

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT _____

A - MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Nắm được khái niệm ngôn ngữ nghệ thuật và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật với các đặc trưng cơ bản của nó.

– Có kĩ năng phân tích và sử dụng ngôn ngữ theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

B - NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I - NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

a) Về khái niệm *ngôn ngữ nghệ thuật*

– Ngôn ngữ nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày làm chất liệu, nhưng có điểm khác với ngôn ngữ sinh hoạt.

Điểm khác nhau cơ bản theo cách lí giải của trường phái ngôn ngữ học Pra-ha là do hai chức năng của ngôn ngữ : chức năng giao tiếp và chức năng thẩm mĩ (có tài liệu dịch là chức năng thơ ca, chức năng nghệ thuật). Trong môi trường giao tiếp xã hội của ngôn ngữ, “khi thì chức năng này đóng vai trò chủ đạo, khi thì chức năng kia chiếm ưu thế” (Đề cương nhóm ngôn ngữ học Pra-ha). Sau này, trường phái xã hội – ngôn ngữ học Xô viết cũng sử dụng các chức năng xã hội của ngôn ngữ và phân loại các chức năng ngôn ngữ : a) Chức năng giao tiếp sinh hoạt ; b) Chức năng thông báo ; c) Chức năng tác động (tác động thẩm mĩ).

Do hoạt động trong những môi trường giao tiếp khác nhau, ngôn ngữ đã phát sinh nhiều biến thể ngữ âm, từ vựng, cú pháp khác nhau, được gọi là các biến thể chức năng. Các biến thể này hình thành hệ thống và có thể khái quát thành những đặc trưng cơ bản. Chẳng hạn các đặc trưng của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt (tính cụ thể, tính cảm xúc và tính cá thể) mà Ba-li (Ch. Bally) đã khái quát có thể làm cơ sở để đối chiếu, phân biệt với các phong cách khác.

Ngôn ngữ nghệ thuật có một đặc điểm dễ nhận thấy là hết sức phong phú, sáng tạo và phát triển không ngừng, đặc biệt là loại thể.

Ta đã biết từ xưa, môn Tu từ học cổ điển đã phân chia các loại (espèces) : thơ trữ tình, văn tự sự và kịch. Mỗi loại lại phân chia thành nhiều thể (genres), chẳng hạn, chỉ tính về các thể thơ của Việt Nam ta đã có các thể : lục bát, song thất lục bát, hát nói, các thể thơ cổ phong và cách luật Đường thi, các thể thơ hiện đại. Đó là chưa kể

các hình thức trung gian giữa thơ và văn xuôi (văn vần, thơ, văn xuôi,...) ; kịch thơ, truyện thơ,... Mỗi thể loại có những yêu cầu về cách sử dụng ngôn ngữ và có sức chi phối đối với việc sử dụng ngôn ngữ (ngôn ngữ thơ, ngôn ngữ truyện, ngôn ngữ kịch).

Sự phong phú về thể loại cũng là một phương diện để ta so sánh ngôn ngữ nghệ thuật với các loại ngôn ngữ dùng trong các môi trường giao tiếp khác.

Tóm lại, ngôn ngữ nghệ thuật là ngôn ngữ chủ yếu được sử dụng trong các tác phẩm văn chương. Nó không chỉ có chức năng thông tin mà còn nhằm thoả mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người bằng cách tổ chức, xếp đặt, lựa chọn, tinh luyện từ ngôn ngữ thông thường và đạt được giá trị nghệ thuật – thẩm mỹ.

b) Về khái niệm phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

Những năm 50 của thế kỉ trước, ở Liên Xô đã từng xảy ra cuộc tranh luận sôi nổi về các phong cách chức năng. Một số ý kiến cho rằng ngôn ngữ nghệ thuật không thuộc vào một phong cách thuần nhất, lí do vì trong một cuốn tiểu thuyết, chẳng hạn *Chiến tranh và hoà bình* của Tôn-xtôi (L. Tolstoi), trong đó có ngôn ngữ đối thoại, ngôn ngữ hành chính, mệnh lệnh quân sự, và nghị luận lịch sử,... Nhưng người chủ trì cuộc tranh luận là viện sĩ Vi-nô-gra-đốp (V.V. Vinogradov) trong bản tổng kết cuộc tranh luận đã chỉ rõ : Tuy có nhiều yếu tố của các phong cách ngôn ngữ khác nhau, nhưng một khi các yếu tố đó được đưa vào tác phẩm văn học thì chúng “đều được cải tạo về mặt chức năng”. Nói cách khác, mọi chi tiết trong tác phẩm văn học được cấu trúc lại trong một hệ thống hoạt động theo chức năng thẩm mỹ. Quan niệm này được nhiều nhà phong cách học như : Rô-den-tan (D.E. Rozental), Tê-len-cô-va (T. Telenkova), Ác-nôn (I. Arnold), Gan-pê-rin (I. Galperin),... tán đồng và phát triển thêm.

Một số tác giả Việt Nam đã đề cập nhiều “đặc điểm tu từ” của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật (Cù Đình Tú – 1993, Đình Trọng Lạc – 2000, Hữu Đạt – 2002), nhưng có thể khái quát các đặc điểm đó trong ba đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ này là : tính hình tượng, tính truyền cảm và tính cá thể hoá (Giáo trình *Phong cách học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1982). Ba đặc trưng này làm thành các tiêu chí cùng với tiêu chí chức năng thẩm mỹ xác định một phong cách độc lập : Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

Để có một cái nhìn bao quát về phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu các đặc trưng của phong cách này (phần thứ hai) kết hợp tiêu chí thẩm mỹ (đã nói trên) để rút ra định nghĩa : *Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật là phong cách được phân biệt bởi chức năng thẩm mỹ, thể hiện ở ba đặc trưng cơ bản : tính hình tượng, tính truyền cảm và tính cá thể hoá.*

2. Trọng tâm bài học

Bài này nhằm cung cấp hai khái niệm cơ bản : *ngôn ngữ nghệ thuật* và *phong cách ngôn ngữ nghệ thuật*.

II - PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp

– Đọc các ngữ liệu, phân tích và nhận xét về đặc điểm của ngôn ngữ nghệ thuật và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

– GV gợi ý cho HS nhắc lại những kiến thức đã học trong bài *Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt* để đối chiếu và rút ra kết luận.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

Bài này trình bày theo hai phần, mỗi phần trình bày trong một tiết. Với thời lượng hạn chế như vậy, GV phải gợi ý để HS có thể trả lời dễ dàng các câu hỏi và tìm hiểu kĩ những phần đã trình bày trong SGK.

Mục I – Ngôn ngữ nghệ thuật

Để đi đến khái niệm ngôn ngữ nghệ thuật, GV có thể tiến hành hướng dẫn theo các bước sau đây :

a) Ngôn ngữ nghệ thuật được sử dụng trong phạm vi giao tiếp nào và thuộc những thể loại nào ?

b) Những nét khác nhau giữa ngôn ngữ thơ và văn xuôi tự sự, giữa văn xuôi và ngôn ngữ kịch ?

c) Những nét giống nhau của ngôn ngữ trong các thể loại nói trên.

Từ những gợi ý này, GV hướng dẫn HS phát biểu định nghĩa về ngôn ngữ nghệ thuật theo cách hiểu của mình mà không phải là đọc lại phần *Ghi nhớ* trong SGK.

Mục II – Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

a) Hướng dẫn tìm hiểu tính hình tượng của ngôn ngữ nghệ thuật

Phần này khó hơn phần trước, nội dung cũng trừu tượng hơn. Nếu để HS miêu tả (hoặc minh họa kiến thức trong SGK) thì không đủ thì giờ. Cách hướng dẫn ngắn gọn nhất là dùng thủ pháp thay thế và đối chiếu. Ví dụ : So sánh, đối chiếu đoạn thơ :

*Ta đã lớn lên rồi trong khói lửa
Chúng nó chẳng còn mong được nữa
Chặn bàn chân một dân tộc anh hùng.
Nhưng bàn chân từ than bụi, lầy bùn
Đã bước dưới mặt trời cách mạng.*

(Tố Hữu, *Ta đi tới*)

với đoạn văn xuôi : “Dân tộc ta đã trưởng thành trong chiến tranh. Kẻ thù không còn hi vọng để ngăn cản sự phát triển mạnh mẽ, to lớn của một dân tộc từng bị áp bức ở hầm mỏ và nông thôn”.

GV có thể gợi ý cho HS :

- Cách diễn đạt nào cụ thể, sinh động hơn ?
- Cách diễn đạt nào hàm súc hơn ?
- Cách diễn đạt nào gợi cảm hơn ?

Từ đó rút ra những nhận xét : Tính hình tượng của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật là khái niệm chỉ ra cách diễn đạt cụ thể, hàm súc và gợi cảm trong một ngữ cảnh (văn cảnh nhất định)⁽¹⁾.

b) Hướng dẫn tìm hiểu tính truyền cảm của ngôn ngữ nghệ thuật

Gợi là tính truyền cảm để phân biệt với tính cảm xúc trong ngôn ngữ sinh hoạt. GV có thể gợi ý cho HS nhận biết :

Trong ngôn ngữ sinh hoạt, những yếu tố diễn đạt cảm xúc, ví như ngữ điệu, từ ngữ,... mang tính cảm xúc tự nhiên của người nói.

Trong ngôn ngữ nghệ thuật, người viết (nói) sử dụng ngôn ngữ không chỉ diễn đạt cảm xúc của mình mà còn gây hiệu quả lan truyền cảm xúc, tức là làm cho người nghe, người đọc cũng vui, buồn, tức giận, yêu thương,... như chính người viết (nói). Việc gợi ra cảm xúc và cái hay, cái đẹp trong ngôn ngữ nghệ thuật có một ý nghĩa quan trọng mà không phải lúc nào người viết cũng có thể làm được.

Khi hướng dẫn phần này, GV có thể dùng thủ pháp ngắn gọn là : đối chiếu những câu nói hàng ngày với những câu thơ giàu âm hưởng, sáng tạo. Ví dụ :

*Qua đình ngả nón trông đình
Đình bao nhiêu ngói, em thương mình bấy nhiêu.*

(Ca dao)

c) Hướng dẫn tìm hiểu tính cá thể hoá của ngôn ngữ nghệ thuật

Cách ngắn gọn nhất là đối chiếu tính cá thể của ngôn ngữ sinh hoạt với tính cá thể hoá của ngôn ngữ nghệ thuật.

- Tính cá thể như là một tính chất tự nhiên của người nói (đặc điểm cấu âm, giọng nói, từ ngữ, cách nói) để ta có thể nhận biết người này với người khác (xem *Ngữ văn 10*, tập một).

- Tính cá thể hoá của ngôn ngữ nghệ thuật là khái niệm có nội hàm rộng, bao gồm cách thể hiện riêng, một tình huống, một tâm trạng, một tính cách,... Còn cá tính sáng tạo nghệ thuật là khái niệm chỉ sự sử dụng ngôn ngữ chung để tạo ra một giọng điệu riêng, không nhầm lẫn với người khác, thể loại khác. Cần chú ý là khái niệm “cá thể hoá” không đồng nhất với “cá tính hoá”. Ca dao không đạt cá tính hoá trong sáng tạo nhưng đã được cá thể hoá trong diễn đạt. Và mức độ cá thể hoá không

(1) SGK chỉ nêu một số phép tu từ : so sánh, ẩn dụ, hoán dụ để minh họa. Trong thực tế còn có sự đóng góp của nhiều yếu tố ngôn ngữ khác. Nếu muốn nói đầy đủ thì yếu tố ngữ âm cũng góp phần tạo nên hình tượng lời nói. Hình tượng âm thanh trong thơ và văn xuôi góp phần gợi hình, gợi cảm rất hiệu quả.

phải lúc nào cũng được xem là đồng đều ở một người viết, bởi vì đây là một quá trình tìm tòi, sáng tạo và thể nghiệm. Tuy vậy, tính cá thể hoá được xem là một trong ba đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật trong sự đối lập, phân biệt với phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

III - KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

Kiểm tra năng lực nhận xét, năng lực khái quát các nhận xét và năng lực diễn đạt khái quát. Ví dụ : Nêu câu hỏi để HS nhận xét đặc điểm của ngôn ngữ thơ, ngôn ngữ truyện,... Tiếp đó nêu câu hỏi khái quát về các loại ngôn ngữ trong các văn bản khác nhau ; khái quát các đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật.

2. Gợi ý giải bài tập

Bài tập 1

Các phép tu từ : so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, tượng trưng,... và đặc biệt là cách nói hàm ẩn trong những ngữ cảnh tu từ.

Bài tập 2

Tính hình tượng được xem là tiêu biểu nhất trong các đặc trưng vì :

- Là phương tiện và là mục đích sáng tạo nghệ thuật.
- Trong hình tượng ngôn ngữ đã có những yếu tố gây cảm xúc và truyền cảm.
- Cách lựa chọn từ ngữ, sử dụng câu để xây dựng hình tượng nghệ thuật thể hiện cá tính sáng tạo nghệ thuật.

Bài tập 3

- a) Từ ngữ được chọn để điền vào chỗ trống là từ ngữ có nét nghĩa cảm xúc.
- b) Từ ngữ lựa chọn phải sát nghĩa với ngữ cảnh và phải đảm bảo luật thơ.

Bài tập 4

So sánh :

- Cách chọn từ ngữ để tạo hình tượng mùa thu.
- Nhịp điệu khác nhau.
- Hình tượng ba mùa thu ở ba tác giả không cùng một thời đại ; không giống nhau ở phong cách ngôn ngữ cá nhân (tính cá thể hoá).

IV - TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Trọng Lạc – Nguyễn Thái Hoà, *Phong cách học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.

2. Cù Đình Tú, *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.

3. Hữu Đạt, *Phong cách học và phong cách chức năng tiếng Việt*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2000.